

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 881/DXV -CBTT

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 4 năm 2016

“V/ Công bố báo cáo tài chính
kiểm toán 2015 đã điều chỉnh”

Kính gửi : -Ủy ban chứng khoán Nhà nước
-Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng chân thành cảm ơn Quý sở đã giúp đỡ và hỗ trợ Công ty trong thời gian qua.

Ngày 15/03/2016 Công ty đã gửi Báo cáo kiểm toán năm 2015 số 33/2016/BCKT-AVI-TC1 phát hành ngày 10/03/2016 lên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau ngày công bố báo cáo kiểm toán, Công ty phát hiện một số số liệu liên quan đến giao dịch các bên có liên quan tại thuyết minh số 28 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính sai lỗi số học.

Nay Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đã lập lại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 theo nội dung giải trình trên. Kính đề nghị Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh công bố lại nội dung của Báo cáo kiểm toán năm 2015 của Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;

- P.TCKT

-Lưu CBTT



Nguyễn Hoà Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30/12/2015)
Bà Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30/12/2015)
Ông Nguyễn Hoà Nam	Ủy viên (bổ nhiệm từ 04/6/2015)
Ông Nguyễn Duy Diễn	Ủy viên (miễn nhiệm từ 04/6/2015)
Ông Hồ Ngãi	Ủy viên
Ông Phạm Thanh Bình	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoà Nam	Giám đốc (bổ nhiệm từ 01/6/2015)
Ông Nguyễn Duy Diễn	Giám đốc (miễn nhiệm từ 01/6/2015)
Ông Hồ Ngãi	Phó giám đốc
Ông Phạm Thanh Bình	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,


au
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hòa Nam

Nguyễn Hòa Nam
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Số: 91/2016/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 06/04/2016 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 33 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại thuyết minh số 30 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng dự án và vốn đầu tư Nhà máy Xi măng Cam Ranh từ Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng sang Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, ngày 20/06/2013, Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đã ký Biên bản về việc bổ sung Biên bản bàn giao tài chính ngày 11/10/2012 với giá trị tài sản bàn giao và nguồn vốn thực hiện tạm tính là 477.981.239.681 đồng. Ngày 18/08/2015, hai Công ty tiếp tục ký Biên bản bàn giao tài chính bổ sung lần 2 về việc bàn giao tài chính bổ sung cho hợp đồng chuyển nhượng dự án và vốn đầu tư nói trên với tổng giá trị bàn giao đợt này là 33.859.089.785 đồng. Mặc dù dự án đã được bàn giao

về hiện vật và tài chính nhưng trong năm 2015 và trong một số kỳ kế toán trước, Công ty đã ghi nhận bổ sung một số khoản chi phí đầu tư, công nợ phải thu và công nợ phải trả liên quan đến việc đầu tư Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh trên Báo cáo tài chính.

Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc ghi nhận và hạch toán bổ sung một số khoản mục liên quan tới việc đầu tư và chuyển giao Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh nêu trên tới Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty. Số liệu bàn giao chính thức và kết quả của hoạt động chuyển nhượng này phụ thuộc vào số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sự chấp thuận cuối cùng của các bên liên quan đến Dự án bàn giao.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài các vấn đề được nêu ở phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Cấu trúc Công ty, ngày 14/12/2015 Công ty đã ban hành các quyết định tạm ngừng hoạt động các chi nhánh kinh doanh xi măng tại miền Trung, Tây Nguyên bao gồm: chi nhánh Đăk Lăk, chi nhánh Khánh Hòa, chi nhánh Phú Yên, chi nhánh Bình Định, chi nhánh Quảng Ngãi trong vòng 6 tháng kể từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 nhằm sắp xếp lại tổ chức bộ máy kinh doanh.

Báo cáo kiểm toán này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 33/2016/BCKT-AVI-TC1 phát hành ngày 10/03/2016 do sau ngày công bố báo cáo kiểm toán, Công ty có các điều chỉnh lại một số số liệu liên quan đến giao dịch với các bên liên quan như đã trình bày tại thuyết minh số 28 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính. Thông tin điều chỉnh này không làm thay đổi ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác. Trên các Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến hoạt động chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh, bao gồm: chuyển giao nghĩa vụ nợ phải trả của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 chưa có cơ sở pháp lý, chênh lệch công nợ với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư chưa được xử lý, chi phí và công nợ phải trả liên quan đến dự án chưa được phía Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 xác nhận. Một số vấn đề nêu trên đã được Công ty khắc phục, hoàn thiện trong năm 2015.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0034-2015-055-1


Bùi Quốc Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1937-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.143.214.642	159.441.220.482
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.808.810.925	24.159.978.676
1. Tiền	111	5	29.808.810.925	24.159.978.676
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.222.589.333	84.093.012.581
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	54.490.348.810	45.958.323.115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.228.941.306	1.224.873.744
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.590.451.816	38.603.799.668
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.207.745.627)	(1.818.820.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		120.593.028	124.836.054
IV. Hàng tồn kho	140	7	38.044.647.296	27.504.615.718
1. Hàng tồn kho	141		38.300.273.164	27.504.615.718
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(255.625.868)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.067.167.088	3.683.613.507
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	48.490.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.058.816.678	3.510.528.736
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	8.350.410	124.594.771
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.375.442.260	32.612.559.691
II. Tài sản cố định	220	10	28.212.080.329	32.158.003.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221		28.212.080.329	32.158.003.786
- Nguyên giá	222		109.873.767.353	109.873.767.353
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.661.687.024)	(77.715.763.567)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		150.000.000	150.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(150.000.000)	(150.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		53.836.000	134.496.426
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		53.836.000	134.496.426
VI. Tài sản dài hạn khác	260		109.525.931	320.059.479
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		109.525.931	320.059.479
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		160.518.656.902	192.053.780.173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

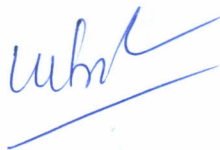
MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		49.196.578.526	84.293.293.578
I. Nợ ngắn hạn	310		49.161.578.526	83.927.981.264
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	34.322.793.283	58.329.065.670
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		65.760.858	14.459.433.878
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.243.580.827	763.561.748
4. Phải trả người lao động	314		5.268.521.387	4.630.078.717
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	1.270.119.995	1.724.566.672
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		125.049.999	367.213.634
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	6.753.582.127	3.541.890.895
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	112.170.050	112.170.050
II. Nợ dài hạn	330		35.000.000	365.312.314
1. Phải trả dài hạn khác	337		35.000.000	365.312.314
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		111.322.078.376	107.760.486.595
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	111.322.078.376	107.760.486.595
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.000.000.000	99.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.000.000.000	99.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		725.357.511	725.357.511
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.096.851.573	16.096.851.573
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.500.130.708)	(8.061.722.489)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(8.470.722.489)	(8.061.722.489)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.970.591.781	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		160.518.656.902	192.053.780.173

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Giám đốc



Nguyễn Hoà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02- DN

Đơn vị tính: VND

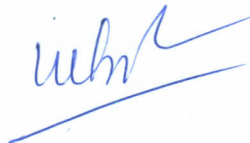
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	541.496.176.223	697.826.767.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	6.975.821.586	7.103.339.828
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		534.520.354.637	690.723.428.050
4. Giá vốn hàng bán	11	18	500.141.299.935	673.048.299.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.379.054.702	17.675.128.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.554.234.987	1.676.202.733
7. Chi phí tài chính	22	20	729.424.366	1.213.155.453
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		90.791.667	318.452.453
8. Chi phí bán hàng	25	21	12.891.713.822	12.936.038.817
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	18.458.865.460	16.079.262.949
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.853.286.041	(10.877.125.717)
11. Thu nhập khác	31	23	36.513.004.359	17.868.669.934
12. Chi phí khác	32	24	34.208.964.643	393.388.285
13. Lợi nhuận khác	40		2.304.039.716	17.475.281.649
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.157.325.757	6.598.155.932
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.186.733.976	1.481.522.183
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.970.591.781	5.116.633.749
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	401	476
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		401	476

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Hoà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

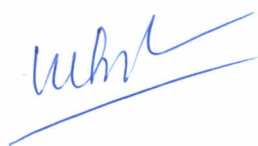
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.157.325.757	6.598.155.932
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.916.662.637	4.247.976.176
- Các khoản dự phòng	03	1.644.551.495	1.655.310.400
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.472.828.561)	(1.691.930.006)
- Chi phí lãi vay	06	90.791.667	318.452.453
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.336.502.995	11.127.964.955
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	22.048.708.040	18.092.302.833
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.795.657.446)	(1.256.707.104)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(35.035.623.555)	(7.952.213.271)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	259.023.548	277.949.106
- Tiền lãi vay đã trả	14	(90.791.667)	(96.819.222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.007.825.473)	(392.640.346)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(619.739.180)	(354.213.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.905.402.738)	19.445.623.550
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	15.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	20.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.554.234.987	1.065.786.066
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.554.234.987	1.081.086.066
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(24.234.555.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(24.234.555.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.648.832.249	(3.707.845.384)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.159.978.676	27.867.824.060
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	29.808.810.925	24.159.978.676

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc









Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Hoà Nam

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001458 ngày 01/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 số 0400101820 ngày 10/06/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là 99.000.000.000 đồng, tương đương 9.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng trong đó:

- Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam sở hữu 6.514.700 cổ phần tương đương 65.147.000.000 đồng, chiếm 65,81% Vốn Điều lệ.
- Cổ đông khác sở hữu 3.385.300 cổ phần tương đương 33.853.000.000 đồng, chiếm 34,19% vốn Điều lệ.

Công ty đang thực hiện giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán: DXV

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 349 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xi măng, các sản phẩm từ xi măng và vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sắt, đường bộ và đường thủy;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Cấu trúc của Công ty bao gồm trụ sở chính số 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp Sản xuất Vỏ bao Xi măng Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
2.	Xí nghiệp Gạch Tuynel Lai Nghi	Khối 7B, phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3.	Nhà máy Gạch An Hòa	Thôn Mỹ Sơn, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
4.	Chi nhánh Đăk Lăk	Số 60, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk
5.	Chi nhánh Khánh Hòa	Số 48 Cao Thắng, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

- | | | |
|----|-----------------------------------|--|
| 6. | Chi nhánh Phú Yên | Số 12, đường Tân Đà, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| 7. | Chi nhánh Bình Định | Số 197, đường Đống Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |
| 8. | Chi nhánh Quảng Ngãi | Số 132, đường Quang Trung, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |
| 9. | Xí nghiệp KD Xi măng VLXD Đà Nẵng | Số 255, Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng |

Ngày 14/12/2015, Công ty đã ban hành các quyết định tạm ngừng hoạt động các chi nhánh kinh doanh xi măng tại miền Trung, Tây Nguyên bao gồm: chi nhánh Đắk Lắk, chi nhánh Khánh Hòa, chi nhánh Phú Yên, chi nhánh Bình Định, chi nhánh Quảng Ngãi trong vòng 6 tháng kể từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 nhằm sắp xếp lại tổ chức bộ máy kinh doanh.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 (số liệu so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng ngang các số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả, các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo

quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty và các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc (nếu có);
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyên giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn ba điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- (b) Có thể xảy ra sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- (c) Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Năm 2015, công ty đang áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	435.332.846	1.024.666.722
Tiền gửi ngân hàng	29.373.478.079	23.135.311.954
Cộng	29.808.810.925	24.159.978.676

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	54.490.348.810	45.958.323.115
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	10.414.495.079	13.826.159.999
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	13.660.545.603	5.856.336.880
Công ty Xi măng Nghi Sơn	2.552.000.500	2.582.800.500
Công ty TNHH Mai Hương	3.429.130.188	3.876.452.577
Công ty TNHH Nghĩa Nhân	3.511.777.535	3.511.777.535
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.922.399.905	16.304.795.624
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	54.490.348.810	45.958.323.115
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	10.414.495.079	13.826.159.999
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	13.660.545.603	5.856.336.880
Cộng	24.075.040.682	19.682.496.879

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	5.713.940.856	-	5.871.080.787	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.237.597.254	-	9.724.827.141	-
Công cụ, dụng cụ	407.869.892	-	332.794.001	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.039.673.305	-	2.470.991.536	-
Thành phẩm	2.403.142.401	-	3.601.200.074	-
Hàng hoá	14.498.049.456	(255.625.868)	5.099.682.179	-
Hàng gửi bán	-	-	404.040.000	-
Cộng	38.300.273.164	(255.625.868)	27.504.615.718	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Chi phí đầu tư phát sinh liên quan đến dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh sau ngày ký biên bản bàn giao 20/06/2013	7.481.954.056	-	34.581.158.927	-
Các khoản tạm ứng	456.743.252	-	691.270.353	-
Các khoản Ký cược, ký quỹ	12.000.000	-	1.412.000.000	-
Phải thu khác	639.754.508	-	1.919.370.388	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.590.451.816	-	38.603.799.668	-

9. NỢ XẤU VÀ NỢ KHÓ ĐÒI

Đối tượng	31/12/2015				01/01/2015			
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
		VND	VND	VND		VND	VND	VND
Công ty TNHH Nghĩa Nhân	1 - 3 năm	3.511.777.535	1.229.230.446	2.282.547.089	1 - 3 năm	3.511.777.535	1.934.853.954	1.576.923.581
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	135.410.200	-	135.410.200	Trên 3 năm	88.220.200	-	88.220.200
Các đối tượng khác	Dưới 3 năm	2.401.194.462	1.611.406.124	789.788.338	Dưới 3 năm	395.331.637	241.655.418	153.676.219
Cộng		6.048.382.197	2.840.636.570	3.207.745.627		3.995.329.372	2.176.509.372	1.818.820.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẰNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	30.307.120.119	67.697.440.185	10.795.812.538	1.073.394.511	109.873.767.353
Tại ngày 31/12/2015	30.307.120.119	67.697.440.185	10.795.812.538	1.073.394.511	109.873.767.353
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	17.231.591.725	49.215.533.962	10.207.732.968	1.060.904.912	77.715.763.567
Khấu hao trong năm	923.744.057	2.942.424.654	73.509.946	6.244.800	3.945.923.457
Tại ngày 31/12/2015	18.155.335.782	52.157.958.616	10.281.242.914	1.067.149.712	81.661.687.024
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	13.075.528.394	18.481.906.223	588.079.570	12.489.599	32.158.003.786
Tại ngày 31/12/2015	12.151.784.337	15.539.481.569	514.569.624	6.244.799	28.212.080.329

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 30.122.265.818 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 28.700.064.717 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	34.322.793.283	34.322.793.283	58.329.065.670	58.329.065.670
Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch	13.845.768.121	13.845.768.121	13.161.320.308	13.161.320.308
Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Ngân Hạnh	3.796.760.589	3.796.760.589	1.825.287.010	1.825.287.010
Công ty Cổ phần nhựa OPEC	3.894.000.000	3.894.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Trung	-	-	4.830.000.000	4.830.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	12.786.264.573	12.786.264.573	38.512.458.352	38.512.458.352
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	34.322.793.283	34.322.793.283	58.329.065.670	58.329.065.670
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	-	88.667.019	88.667.019
Phải trả cho các đối tượng khác	5.015.518.006	5.015.518.006	29.122.231.975	29.122.231.975
Cộng	5.015.518.006	5.015.518.006	29.210.898.994	29.210.898.994
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch	13.845.768.121	13.845.768.121	13.161.320.308	13.161.320.308
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	3.469.340.284	3.469.340.284	3.088.667.019	3.088.667.019
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	1.307.379.916	1.307.379.916	1.005.398.795	1.005.398.795
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	2.344.223.900	2.344.223.900	2.344.223.900	2.344.223.900
Cộng	20.966.712.221	20.966.712.221	19.599.610.022	19.599.610.022

CÔNG TY VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>01/01/2015</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	763.137.598	7.117.716.723	6.697.018.762	1.183.835.559
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(119.927.761)	2.186.733.976	2.007.825.473	58.980.742
Thuế thu nhập cá nhân	(4.667.010)	37.934.826	41.277.850	(8.010.034)
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	1.576.831.164	1.576.831.164	-
Thuế khác	424.150	12.000.000	12.000.000	424.150
Cộng	638.966.977	10.931.216.689	10.334.953.249	1.235.230.417
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>(124.594.771)</i>			<i>(8.350.410)</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>763.561.748</i>			<i>1.243.580.827</i>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	1.270.119.995	1.724.566.672
Trích trước chi phí vận chuyển bốc xếp	19.271.818	1.000.458.718
Trích trước phí tư vấn vay vốn CFC	308.990.000	308.990.000
Trích trước chi phí khuyến mại, chiết khấu	103.148.910	205.117.954
Trích trước chi phí tham quan du lịch	392.100.000	-
Chi phí phải trả khác	446.609.267	210.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	1.270.119.995	1.724.566.672

CÔNG TY VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	75.898.574	51.839.450
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	41.191.775	97.392.403
Phải trả về cổ phần hoá	-	1.783.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	6.636.491.778	3.390.876.042
- Cổ tức phải trả	152.753.949	152.753.949
- Phải trả tiền lãi ký cược cho Đại lý tiêu thụ Xi măng	182.459.182	213.009.182
- Phải trả lãi vay về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	-	534.377.228
- Phải trả về Chi phí tư vấn chuyển giao công nghệ	207.026.702	160.918.033
- Phải trả khác liên quan đến dự án Xi măng Cam Ranh	3.342.329.865	1.907.711.635
- Phải trả tiền phạt, lãi chậm trả	2.203.877.573	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	548.044.507	422.106.015
Cộng	6.753.582.127	3.541.890.895
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	35.000.000	365.312.314
Cộng	35.000.000	365.312.314

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	112.170.050	112.170.050	-	-	112.170.050	112.170.050
Vay Hội hưu trí công ty	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Vay đối tượng khác	12.170.050	12.170.050	-	-	12.170.050	12.170.050
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	112.170.050	112.170.050	-	-	112.170.050	112.170.050

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư Phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	99.000.000.000	725.357.511	16.096.851.573	(12.815.585.435)	103.006.623.649
Lãi trong năm	-	-	-	5.116.633.749	5.116.633.749
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(362.770.803)	(362.770.803)
Tại ngày 01/01/2015	99.000.000.000	725.357.511	16.096.851.573	(8.061.722.489)	107.760.486.595
Lãi trong năm	-	-	-	3.970.591.781	3.970.591.781
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(409.000.000)	(409.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	99.000.000.000	725.357.511	16.096.851.573	(4.500.130.708)	111.322.078.376

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 528/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2015, số tiền 409.000.000 đồng được trích toàn bộ vào Quỹ khen thưởng phúc lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015	Tỷ lệ vốn góp
	VND	VND	
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	65.147.000.000	65.147.000.000	65,81%
Vốn góp của các đối tượng khác	33.853.000.000	33.853.000.000	34,19%
Cộng	99.000.000.000	99.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.900.000	9.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: Đồng/cổ phiếu	10.000	10.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	539.843.302.318	696.627.311.818
- Doanh thu bán Xi măng	370.136.173.395	509.095.806.719
- Doanh thu bán vỏ bao xi măng	130.120.474.773	160.918.033.289
- Doanh thu bán gạch, ngói	39.586.654.150	26.613.471.810
Doanh thu hoạt động khác	1.652.873.905	1.199.456.060
Cộng	541.496.176.223	697.826.767.878

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán vỏ bao xi măng		
Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch	4.108.462.300	8.728.645.450
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	18.207.247.550	26.568.113.820
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	35.094.349.800	35.547.095.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	38.778.194.997	37.232.471.816
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên 1	-	23.606.229.060
Cộng	96.188.254.647	131.682.555.146

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.975.821.586	7.103.339.828
Cộng	6.975.821.586	7.103.339.828

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	498.728.214.517	672.462.543.029
Giá vốn bán xi măng	356.352.275.339	503.329.572.806
Giá vốn bán vỏ bao xi măng	114.112.415.176	147.636.471.480
Giá vốn bán gạch ngói	28.263.524.002	21.496.498.743
Giá vốn hoạt động khác	282.064.932	585.756.252
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	255.625.868	-
Giá trị nguyên vật liệu hao hụt ngoài định mức (sau kiểm kê)	875.394.618	-
Cộng	500.141.299.935	673.048.299.281

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.554.234.987	1.676.202.733
Cộng	1.554.234.987	1.676.202.733

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	90.791.667	318.452.453
Lãi tiền ký cược phải trả cho đại lý	529.746.000	585.713.000
Phí tư vấn vay vốn CFC	-	308.990.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	108.886.699	-
Cộng	729.424.366	1.213.155.453

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Chi phí bán hàng	12.891.713.822	12.936.038.817
Chi phí lương nhân viên	6.056.411.644	6.618.263.291
Chi phí công cụ, dụng cụ	210.999.611	383.919.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	419.129.607	542.324.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.309.086.088	3.563.616.496
Chi phí khác bằng tiền	1.896.086.872	1.827.914.788
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.458.865.460	16.079.262.949
Chi phí lương nhân viên	6.909.908.349	6.256.742.892
Chi phí công cụ, dụng cụ	409.089.492	569.201.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.415.664	166.315.632
Thuế, phí, lệ phí	3.619.201.457	2.221.999.290
Chi phí dự phòng	1.388.925.627	1.655.310.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.408.071	413.407.414
Chi phí khác bằng tiền	5.548.916.800	4.796.286.202
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	31.350.579.282	29.015.301.766

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.690.485.716	142.152.646.045
Chi phí nhân công	30.967.855.632	29.590.350.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.950.947.952	4.247.976.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.591.860.734	9.396.442.555
Chi phí khác bằng tiền	14.380.537.266	12.198.389.868
Cộng	173.581.687.300	197.585.805.349

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án Cam Ranh (*)	30.780.990.714	-
Thu nhập từ bán phế liệu	1.131.798.535	1.412.737.896
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	15.727.273
Thu nhập từ thuê kho, cửa hàng	2.275.611.351	1.607.708.974
Thu nhập từ tiền khuyến mại xi măng của nhà cung cấp	1.791.595.176	14.407.345.644
Thu nhập khác	533.008.583	425.150.147
Cộng	36.513.004.359	17.868.669.934

(*) Thu nhập từ việc ghi nhận giá trị chuyển nhượng dự án Cam Ranh theo Biên bản bàn giao bổ sung lần 2 ngày 18/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 (Thuyết minh số 30).

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng dự án Cam Ranh (*)	30.780.990.714	-
Chi phí khuyến mại cho khách hàng	121.341.377	56.329.114
Tiền phạt và lãi chậm trả do thanh toán chậm	2.338.351.180	-
Chi phí phạt chậm nộp thuế	431.189.712	58.035.809
Chi phí khác	537.091.660	279.023.362
Cộng	34.208.964.643	393.388.285

(*) Chi phí từ việc ghi nhận giá trị chuyển nhượng dự án Cam Ranh theo Biên bản bàn giao bổ sung lần 2 ngày 18/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 (Thuyết minh số 30).

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.157.325.757	6.598.155.932
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng:		
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	78.000.000	78.000.000
- Các khoản chi phí không được trừ khác	1.306.584.330	58.035.809
Thu nhập chịu thuế	7.541.910.087	6.734.191.741
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.659.220.219	1.481.522.183
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Quyết định của cơ quan thuế	527.513.757	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.186.733.976	1.481.522.183

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.970.591.781	5.116.633.749
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.970.591.781	5.116.633.749
Trừ: số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(409.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.900.000	9.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	401	476

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014 số tiền 409.000.000 đồng là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18/04/2015 (Thuyết minh số 16). Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi này.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015	Giá trị ghi sổ 01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.808.810.925	24.159.978.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.873.054.999	82.743.302.783
Đầu tư ngắn hạn	-	20.000.000.000
Cộng	89.681.865.924	126.903.281.459
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	112.170.050	112.170.050
Phải trả người bán và phải trả khác	41.111.375.410	62.236.268.879
Chi phí phải trả	1.270.119.995	1.724.566.672
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	42.493.665.455	64.073.005.601

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 là 3.207.745.627 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 1.818.820.000 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 31/12/2015				
Các khoản vay	112.170.050	-	-	112.170.050
Phải trả người bán và phải trả khác	41.111.375.410	-	-	41.111.375.410
Chi phí phải trả	1.270.119.995	-	-	1.270.119.995
Tại 01/01/2015				
Các khoản vay	112.170.050	-	-	112.170.050
Phải trả người bán và phải trả khác	62.236.268.879	-	-	62.236.268.879
Chi phí phải trả	1.724.566.672	-	-	1.724.566.672

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẰNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.808.810.925	-	-	29.808.810.925
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.873.054.999	-	-	59.873.054.999
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.159.978.676	-	-	24.159.978.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	82.743.302.783	-	-	82.743.302.783
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	Cổ đông chiếm 65,81% vốn điều lệ (Công ty mẹ)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Công ty con cùng tập đoàn

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Mua hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	49.233.041.462	76.950.711.762
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	238.366.984.238	315.088.553.756
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	8.683.424.472	7.337.885.144
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	5.205.731.822
Cộng	296.283.450.172	404.582.882.484

Phí tư vấn chuyển giao công nghệ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	459.570.111	589.122.763

Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương và các quyền lợi gộp khác (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc)	769.096.010	750.830.531

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	1.514.406.618	1.700.694.056
<u>Trong đó:</u>		
- Tiền lãi vay phải trả	-	534.377.228
- Phải trả về Chi phí tư vấn chuyển giao công nghệ	207.026.702	160.918.033

Thuyết minh bổ sung giải trình thay đổi thông tin

Tại báo cáo tài chính phát hành ngày 10/03/2016 của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng, Công ty đã trình bày nhầm lẫn thông tin về giao dịch mua hàng và giao dịch phí tư vấn chuyển giao công nghệ với bên liên quan trong năm. Ban giám đốc Công ty quyết định phát hành báo cáo mới này hiệu chỉnh các thông tin nói trên. Cụ thể như sau:

Mua hàng

	Số mới	Số cũ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	49.233.041.462	22.214.109.520
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	238.366.984.238	150.607.652.496
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	8.683.424.472	3.092.302.531
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	-
Cộng	296.283.450.172	175.914.064.547

Phí tư vấn chuyển giao công nghệ

	Số mới	Số cũ
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	459.570.111	257.513.795

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

30. THÔNG TIN KHÁC**Thông tin về chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh.**

Thực hiện hợp đồng 01-2011/HT1-ĐN ngày 23/01/2011 và các phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/07/2011, số 02 ngày 11/10/2012 được ký giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 về việc chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh từ Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng sang Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, ngày 20/06/2013 hai Công ty đã ký Biên bản về việc bổ sung Biên bản bàn giao tài chính ngày 11/10/2012. Thời điểm chốt số liệu tài chính để hiệu chỉnh và bàn giao là 24h ngày 18/08/2011, giá trị tài sản bàn giao và nguồn vốn thực hiện tạm tính là 477.981.239.681 đồng; thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng Dự án bằng không.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo Biên bản họp ngày 01/07/2013 Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 sẽ phối hợp với Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng xem xét và ký biên bản bàn giao bổ sung nếu có gói thầu nào đến thời điểm 24h ngày 18/08/2011 chưa có trong nội dung bàn giao của Biên bản bàn giao tài chính.

Ngày 18/08/2015, Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đã ký Biên bản bàn giao tài chính lần 2 về việc bàn giao tài chính bổ sung cho hợp đồng chuyển nhượng dự án và vốn đầu tư thuộc Nhà máy xi măng Cam Ranh với tổng giá trị bàn giao đợt này là 33.859.089.785 đồng (giá trị đã bao gồm thuế GTGT). Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng đã ghi nhận vào thu nhập khác, chi phí khác của năm 2015 với cùng số tiền (Thuyết minh số 24, 25).

Căn cứ vào biên bản bàn giao lần đầu, Công ty đã hạch toán chuyển giao một số đối tượng nợ phải trả cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 với tổng số tiền 14.489.476.609 đồng. Chi tiết số dư công nợ phải trả nhà cung cấp đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 như sau:

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings:	10.118.307.093 đồng
Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Khánh Ninh và Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin Nha Trang:	1.662.991.300 đồng
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh:	252.174.000 đồng
Công ty Cổ phần Lilama 5:	2.456.004.216 đồng

Trong năm 2015 và đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, công nợ với các nhà thầu nói trên đã được Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 xác nhận bằng các văn bản:

- Công nợ với Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Khánh Ninh và Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin Nha Trang và Công ty Cổ phần Lilama 5 đã được thanh toán hết theo Biên bản bàn giao bổ sung lần 2;
- Công nợ với Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holding đã được 3 bên ký Biên bản thống nhất thanh toán công nợ 3 bên ngày 19/02/2016, theo đó, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 có nghĩa vụ thanh toán và đối trừ công nợ với Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holding;
- Công nợ với Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh đã được Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 xác nhận thanh toán tại ngày 29/03/2012.

Mặc dù đã ký biên bản bàn giao bổ sung lần 1 ngày 20/06/2013 và biên bản bàn giao bổ sung lần 2 ngày 18/08/2015, Công ty vẫn ghi nhận trên Báo cáo tài chính phần chi phí đầu tư bổ sung, công nợ phải thu và công nợ phải trả của Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh, cụ thể: Chi phí đầu tư bổ sung của Dự án được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu "Các khoản phải thu ngắn hạn khác" (Mã số 136 trên Bảng Cân đối kế toán) tại ngày 31/12/2015 và 01/01/2015 với số tiền lần lượt là 7.481.954.056 đồng và 34.299.576.544 đồng; Các khoản phải thu nhà thầu liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu "Trả trước cho người bán ngắn hạn" (Mã số 132 trên Bảng Cân đối kế toán) với số tiền tại ngày 31/12/2015 và 01/01/2015 lần lượt là 209.251.625 đồng và 587.922.625 đồng; Các khoản công nợ phải trả liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu "Phải trả người bán ngắn hạn" (Mã số 311 trên Bảng Cân đối kế toán) với số tiền tại ngày 31/12/2015 và 01/01/2015 lần lượt là 4.069.547.383 đồng và 29.212.330.156 đồng, tại chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" (Mã số 319 trên Bảng Cân đối kế toán) tại ngày 31/12/2015 và 01/01/2015 số tiền 3.342.329.865 đồng và 1.907.711.635 đồng. Chi tiết:

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu khác - Chi phí đầu tư của các nhà thầu		
Công ty KT&CN xi măng Khải Thịnh Nam Kinh	280.343.809	-
Công ty Bảo minh Khánh Hòa	86.103.332	-
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	9.172.345.455
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng VN	-	12.920.221
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng	3.127.915.580	4.380.928.318
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư phát triển Xi Măng	2.384.385.000	2.384.385.000
Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC	11.107.879	11.107.879
Công ty TNHH Khánh Ninh	-	1.109.850.908
Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V	883.293.911	17.228.038.763
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	274.528.292	-
Tổng công ty TNHH MTV Bảo đảm an toàn Hàng hải Miền Nam	400.685.032	-
Khác	33.591.221	-
Cộng	<u><u>7.481.954.056</u></u>	<u><u>34.299.576.544</u></u>

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC	1.690.583	111.690.583
Cty CP Tư vấn XD Công nghiệp & đô thị VN	59.351.850	59.351.850
Công ty Cổ phần Xây Dựng Phục Hưng HOLDINGS	148.209.192	148.209.192
Công ty TNHH MTV Bảo đảm an toàn HH Miền Nam	-	248.000.000
Hội đồng đền bù HT Tái định Cư Cam Ranh	-	20.671.000
Cộng	<u><u>209.251.625</u></u>	<u><u>587.922.625</u></u>

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Cơ quan chủ nhiệm Công binh - Quân khu V	816.100	816.100
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	92.565.700	92.565.700
Công ty Vạn Tường	88.582.450	88.629.450
Công ty TNHH 79	-	59.912.400
Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V	-	10.492.638.486
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	5.656.590.800
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng	-	2.591.375.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư phát triển Xi Măng	2.344.223.900	2.344.223.900
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.307.379.916	1.005.398.795
Công ty Cổ phần Bình Minh	13.040.000	13.040.000
Công ty TNHH Minh Phát	-	1.939.214.900
Công ty CP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng VN	30.185.781	30.185.781
Cty KT&CN xi măng Khải Thịnh Nam Kinh	-	4.897.738.044
Công ty TNHH MTV Bảo đảm an toàn HH Miền Nam	192.753.536	-
Cộng	<u><u>4.069.547.383</u></u>	<u><u>29.212.330.156</u></u>

Hiện tại, Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh vẫn đang trong quá trình kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Do đó, Công ty tạm thời ghi nhận một phần tài sản và nợ phải trả còn lại của Dự án chưa được bàn giao trên Báo cáo tài chính. Số liệu bàn giao cuối cùng về Dự án Nhà máy xi măng Cam Ranh cũng như lãi hoặc lỗ từ hoạt động chuyển nhượng dự án phụ thuộc vào kết quả kiểm toán quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Dự án này và sự chấp nhận cuối cùng của các bên liên quan đến Dự án bàn giao.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Một số chỉ tiêu thay đổi theo Thông tư 200

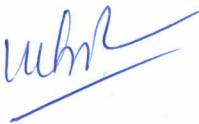
Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khác	136	36.500.529.315	38.603.799.668	2.103.270.353
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	124.836.054	124.836.054
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.228.106.407	-	(2.228.106.407)
Cộng		38.728.635.722	38.728.635.722	-
Nguồn vốn				
Quỹ đầu tư phát triển	417	15.178.555.289	16.096.851.573	(918.296.284)
Quỹ dự phòng tài chính	418	918.296.284	-	918.296.284
Cộng		16.096.851.573	16.096.851.573	-

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Hoà Nam